

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2023.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và giải quyết nợ chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tuyên

2. Bà Hoàng Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết nợ chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Chị **Triệu Thị Y**, sinh năm 1986. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Triệu Sinh S**, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đều trú tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giá Mã T chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2023; biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị Y trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị Y và anh Triệu Sinh S được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2005. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S hay đánh đập chửi bới vợ con, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 1 năm 2023 hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau chị Y và anh S có 03 (ba) con chung tên là Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015. Các con chung Triệu Thị Th và Triệu Thị G khỏe mạnh và phát triển bình thường; con chung Triệu Thị K là người khuyết tật nặng, trẻ em, dạng khuyết tật nghe nói. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị Y. Ly hôn chị Y có ý kiến giải quyết theo nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng được ở cùng với chị Y, chị Y cũng nhất trí nuôi cả ba con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:*

+ *Về tài sản chung:* Tại đơn khởi kiện chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm đất ruộng 1.600m² tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn mua của anh Triệu Văn Ti địa chỉ cùng thôn K, có giấy tờ chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 bãi quế trong đó một bãi có khoảng 1.800 cây quế, một bãi khoảng 1.500 cây quế đều được trồng trên diện tích của gia đình anh Triệu Văn Ti; 01 ngôi nhà sàn 04 gian, mái lợp pro xi măng, xung quanh bằng ván, nền nhà bằng ván nhà làm vào năm 2008 dựng trên diện tích đất khoảng 300m² (đất này mua của anh Ti nhưng chưa làm giấy tờ mua bán, hiện nay vẫn đứng tên anh Ti).

Tuy nhiên, đến ngày 16/6/2023 chị Y thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng.

+ *Về vay nợ chung:* Vợ chồng chị Y, anh S có vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) gồm các khoản vay: Vay theo chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay 6600000717532574; ngày vay 11/5/2020 với số tiền nợ gốc là 10.000.000,đ; Vay theo chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay 6600000718762121, ngày vay 11/9/2020 với số tiền nợ gốc là 40.000.000,đ; Đến thời điểm hiện tại chị Y và anh S còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính

sách xã hội huyện N tổng số tiền gốc là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Nay chị Y yêu cầu anh S có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền gốc 25.000.000^d (hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh của khoản tiền vay. Chị Y có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền gốc 25.000.000^d (hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh của khoản tiền vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023 anh Triệu Sinh S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Triệu Sinh S và chị Triệu Thị Y được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, có lúc cũng cãi cọ, xích mích với nhau tuy nhiên là những mâu thuẫn nhỏ, giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nào gay gắt. Anh S cho rằng không được đánh vợ con. Anh S khẳng định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2023 đến nay. Nay anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị Y, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh S không nhất trí vì không được đánh chửi chị Y, chị Y tự làm đơn, tự đi giải quyết.

- *Về con chung:* Anh S và chị Y có 03 (ba) con chung tên là Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015. Các con chung Triệu Thị Th và Triệu Thị G khỏe mạnh và phát triển bình thường; con chung Triệu Thị K là người khuyết tật nặng, trẻ em, dạng khuyết tật nghe nói.

Nếu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì anh S yêu cầu được nuôi con Triệu Thị G, còn con Triệu Thị K và Triệu Thị Th để cho chị Y được quyền chăm sóc, giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:*

+ *Về tài sản chung:* Tại biên bản lấy lời khai anh S cũng nhất trí với yêu cầu của chia tài sản của chị Y. Sau khi chị Y rút phần yêu cầu chia tài sản Tòa án đã tiến hành giải thích cho anh S trong trường hợp anh S có yêu cầu giải quyết về tài sản đề nghị làm đơn yêu cầu tuy nhiên đến thời điểm hiện nay anh S không có ý kiến, không có đơn yêu cầu gì về việc chia tài sản chung.

+ *Về vay nợ chung:* Anh S nhất trí với ý kiến của chị Y về việc hai vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền là 50.000.000,đ, Nếu phải ly hôn anh S nhất trí trả nợ theo ý kiến của chị Y. Ngoài ra anh S khai quá trình chung sống vợ chồng có vay của chị Triệu Thị Tha thôn KN, xã Đ, huyện N 01 con lợn với giá 6.000.000,đ

Tại đơn đề nghị ghi ngày 31/7/2023 anh Triệu Văn Ti có ý kiến: Đối với số tài sản của chị Y, anh S có liên quan đến anh Ti sau khi chị Y rút phần yêu cầu tài

sản anh Ti cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án không đưa anh Ti vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 31/7/2023 chị Triệu Thị Tha nêu ý kiến việc trả nợ số tiền chị Y, anh S mua 01 con lợn với giá 6.000.000,đ các bên tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị không đưa chị Tha vào tham gia tố tụng.

- Tại bản tự khai số: 75a/BTK-NHCS ngày 20/4/2023 đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Giá Mã T trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện N xác nhận có cho vợ chồng anh Triệu Sinh S và chị Triệu Thị Y vay với số tiền gốc là 70.000.000,đ (bảy mươi triệu đồng) gồm các khoản vay: Vay theo chương trình vay hộ nghèo, mã món vay 6600000717532574; ngày vay 11/5/2020 với số tiền nợ gốc là 30.000.000,đ; Vay theo chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay 6600000718762121, ngày vay 11/9/2020 với số tiền nợ gốc là 40.000.000,đ; Ngày 11/5/2023 anh S, chị Y đã trả được cho Ngân hàng số tiền 20.000.000,đ của mã món vay 6600000717532574. Tính đến thời điểm hiện tại chị Y và anh S còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N tổng số tiền gốc của hai mã món vay là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện N trình bày: Anh S, chị Y phải có trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Trường hợp giữa chị Y và anh S thỏa thuận là chị Triệu Thị Y có trách nhiệm trả 25.000.000^d tiền gốc và lãi phát sinh của số tiền vay khi đến hạn thanh toán; là anh Triệu Sinh S có trách nhiệm trả 25.000.000^d tiền gốc và lãi phát sinh của số tiền vay khi đến hạn thanh toán phía Ngân hàng nhất trí.

Tại 03 đơn trình bày nguyện vọng không ghi ngày tháng năm các con chung Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015 trình bày: bố và mẹ ly hôn thì ba cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2023 ông Triệu Tiến C, là Trưởng thôn của thôn K, xã Đ, huyện N cung cấp thông tin như sau:

Hàng ngày anh Triệu Sinh S thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say anh S hay mắng chửi, đuổi đánh vợ con, chị Y đã gọi ông C và ông Dương Tiến Q – Công an viên thôn đến để hòa giải, yêu cầu anh S viết bản cam kết 02 lần nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ thời gian chính xác chỉ nhớ khoảng năm 2021, 2022 khi sự việc xảy ra nhưng không lập biên bản mà chỉ tiến hành hòa giải và yêu cầu anh S viết bản cam kết.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2023 chị Lương Thị M, là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn K cung cấp thông tin như sau:

Chi hội phụ nữ thôn mới được kiện toàn vào năm 2023 và chị M mới được bầu giữ chức Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn K. Chị Y không tham gia sinh hoạt tại chi hội phụ nữ thôn. Chị không nhận được thông tin gì của chị Y về việc hòa

giải mẫu thuận giữa chị Y với anh S kể từ thời điểm chị giữ chức chị hội trưởng hội phụ nữ thôn.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2023 ông Dương Tiến Q, là công an viên của thôn K, xã Đ, huyện N cung cấp thông tin như sau:

Anh Triệu Sinh S thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn, quan tâm đến gia đình, những lúc say rượu vợ chồng anh S có to tiếng, anh S mắng chửi, đui đánh vợ con, anh Dương Tiến Q có được cùng trưởng thôn là ông Triệu Tiến C đến nhà anh S để hòa giải, yêu cầu anh S viết bản cam kết do thời gian đã lâu nên không nhớ thời gian chính xác. Anh Q cho biết hiện nay chị Y và anh S đã sống ly thân. Ngoài ra anh Q cũng cung cấp thông tin nhà của anh S, chị Y ở khu vực riêng lẻ, xung quanh không có nhà nào ở gần.

Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2023 phòng Lao động thương binh và xã hội huyện N cung cấp thông tin cháu Triệu Thị K hiện đang được hưởng trợ cấp hàng tháng theo diện người khuyết tật nặng, trẻ em dạng khuyết tật nghe nói, mức trợ cấp hưởng: 720.000,đ/tháng kể từ ngày 01/7/2021.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Triệu Thị Y được ly hôn với anh Triệu Sinh S.

- *Về con chung:* Giao 03 con chung là Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015. Các con chung Triệu Thị Th và Triệu Thị G khỏe mạnh và phát triển bình thường; con chung Triệu Thị K là người khuyết tật nặng, trẻ em, dạng khuyết tật nghe nói cho chị Triệu Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản của chị Triệu Thị Y.

- *Về nợ chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh S là chị Y phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc là 25.000.000,đ và lãi phát sinh.

Anh S phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc 25.000.000,đ và lãi phát sinh;

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị Y có đơn miễn án phí nên miễn án phí sơ thẩm cho chị Y theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị Y có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Sinh S. Bị đơn anh Triệu Sinh S có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Y và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2005. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn theo như chị Y khai thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S hay uống rượu, sau khi uống rượu đánh đập chửi bới vợ con, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 1 năm 2023 hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Chị Y, anh S không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn sự tôn trọng, tin tưởng nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh S cũng thừa nhận là trong quá trình chung sống có lúc cãi cọ, xích mích với nhau tuy nhiên là những mâu thuẫn nhỏ, giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nào gay gắt. Anh S cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Y và không muốn ly hôn với chị Y; Mặc dù anh S cho rằng vẫn còn tình cảm nhưng các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của anh S có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa anh S và chị Y có xảy ra mâu thuẫn, các bên không tìm thấy tiếng nói chung, không còn có sự tôn trọng, yêu thương nhau. Anh S có hành vi bạo lực gia đình với chị Y, như vậy việc anh S cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Y là

không có căn cứ để chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh S đến Tòa án để hòa giải nhưng anh S không đến Tòa án chứng tỏ anh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đánh giá toàn diện, HĐXX thấy rằng có căn cứ để kết luận hôn nhân giữa chị Y và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Triệu Thị Y và anh Triệu Sinh S có 03 con chung tên là: Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015. Các con chung Triệu Thị Th và Triệu Thị G khỏe mạnh và phát triển bình thường; con chung Triệu Thị K là người khuyết tật nặng, trẻ em, dạng khuyết tật nghe nói. Xét đề nghị của chị Y ly hôn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung. Việc anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai sau khi Tòa án giao quyết định hoãn phiên tòa cho anh S anh S nêu ý kiến là được nuôi con Triệu Thị Th, chị Y mặc dù rất lo sợ anh S không nuôi được con nhưng cũng nhất trí để con Th cho anh S nuôi. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy các con chung còn nhỏ, con G mới 8 tuổi, con K bị khuyết tật, con Th chưa đủ 18 tuổi rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Trong quá trình chung sống và sau khi ly thân cho đến nay chị Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con, hơn nữa các con là con gái, nguyện vọng của các con là được ở với mẹ. Mặt khác nhà anh S ở một khu vực riêng lẻ, không có hàng xóm xung quanh; Anh Triệu Sinh S là bố tuy nhiên thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn, quan tâm đến gia đình, những lúc say rượu vợ chồng anh S có to tiếng, anh S mắng chửi, đuổi đánh vợ con, quá trình chung sống anh S có hành vi bạo lực gia đình. Do đó, để các con phát triển một cách toàn diện về mọi mặt nên cần giao cả ba con cho chị Triệu Thị Y trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị Y không đề nghị anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Triệu Thị Y rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung. Anh Triệu Sinh S không có yêu cầu phản tố; anh Triệu Văn Ti không có yêu cầu đề nghị gì nên cần đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị Triệu Thị Y phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc là 25.000.000,đ và lãi phát sinh.

Anh Triệu Sinh S phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc 25.000.000,đ và lãi phát sinh.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do nguyên đơn có đơn xin miễn án phí và là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 60; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; 39; Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

TuY xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung , giải quyết nợ chung của chị Triệu Thị Y đối với anh Triệu Sinh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Y được ly hôn với anh Triệu Sinh S.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Thị K, sinh ngày 28/7/2006; Triệu Thị Th, sinh ngày 18/8/2008 và Triệu Thị G, sinh ngày 13/5/2015 cho chị Triệu Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi;

Trường hợp con chung Triệu Thị K đã thành niên mà không tự lao động nuôi sống được bản thân hoặc không có tài sản riêng để nuôi sống bản thân thì tiếp tục giao con Triệu Thị K cho chị Triệu Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con K có khả năng lao động theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Triệu Sinh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản của chị Triệu Thị Y. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của BLTTDS.

4. Về vay nợ chung:

- Chị Triệu Thị Y phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc là 25.000.000,đ (hai mươi năm triệu đồng); Trong đó Vay theo chương trình vay hộ nghèo, mã món vay 6600000717532574; ngày vay 11/5/2020 là 5.000.000,đ

(năm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh; Vay theo chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay 660000071876212, ngày vay 11/9/2020 là 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh.

- Anh Triệu Sinh S phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N) số tiền nợ gốc 25.000.000,đ (hai mươi năm triệu đồng); Trong đó Vay theo chương trình vay hộ nghèo, mã món vay 6600000717532574; ngày vay 11/5/2020 là 5.000.000,đ(năm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh; Vay theo chương trình cho vay hộ nghèo, mã món vay 660000071876212, ngày vay 11/9/2020 là 20.000.000,đ(hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Triệu Thị Y

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Luân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn TuY Hoàng Thị Thu Hà

Lý Thị Luân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

